

Bản án số: 17/2019/ST-DS.

Ngày: 16/7/2019.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chung.

2. Bà Lê Thị Hoa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày ngày 10 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 27/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NGUYỄN T – sinh năm: 1945.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Thanh có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà NGUYỄN THỊ THANH T - sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn – ông Nguyễn T trình bày: Ông quen biết bà Nguyễn Thị Thanh T nên có cho bà T vay tiền hai lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Thời gian vay tiền cụ thể:

Lần 1: Ngày 21/02/2017 bà T vay 10.000.000 đồng có làm giấy mượn tiền do bà T ký xác nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Bà T có hẹn miệng sau 15 ngày sẽ trả đủ cho ông 10.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/5/2017 bà T vay thêm 50.000.000 đồng có làm giấy mượn tiền do bà T ký xác nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Bà T có hẹn miệng sau 15 ngày sẽ trả đủ 50.000.000 đồng cho ông.

Đã quá thời hạn như lời bà T hẹn nhưng vẫn không trả tiền cho ông. Đến ngày 04/4/2018 ông có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, Khánh Hòa để yêu cầu giải quyết thì tại Ủy ban bà T có thừa nhận nợ và hứa sẽ trả tiền cho ông trong thời hạn ba tháng kể từ tháng 04/2018 đến tháng 06/2018. Tuy nhiên, cho đến nay, bà T vẫn không trả tiền cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông một lần tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 0,8%/tháng theo hai giấy nhận nợ ngày 21/02/2017 và ngày 16/5/2017 như sau:

- Tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/6/2017 đến ngày 21/8/2018 là: 10.000.000 đồng x 0,8% x 14 tháng = 1.120.000 đồng.
- Tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/7/2017 đến ngày 16/8/2018 là: 50.000.000 đồng x 0,8% x 13 tháng = 5.200.000 đồng.

Như vậy ông yêu cầu bà T phải trả cho ông tổng cộng 60.000.000 đồng tiền gốc và 6.320.000 đồng tiền lãi.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của bà T và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 49; Điều 51 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ đủ khẳng định vào ngày 21/02/2017 bà Nguyễn Thị Thanh T vay 10.000.000 đồng của ông Nguyễn T; đến ngày 16/5/2017 bà tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận về việc trả tiền lãi. Khi được hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường N, bà T hẹn đến tháng 6/2018 sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Tuy nhiên đến nay bà T không thực hiện nên ông T có đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là đúng pháp luật.

Xét thấy yêu cầu trả số tiền gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ, mức lãi suất 0,8%/tháng của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự. Căn cứ vào các Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên xử: bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn T tổng cộng 60.000.000 đồng tiền gốc và 6.320.000 đồng tiền lãi.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cư trú tại Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn T khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông T tổng cộng 60.000.000 đồng tiền gốc và 6.320.000 đồng tiền lãi. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

[3]. Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã cung cấp đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: ngày 21/02/2017 bà Nguyễn Thị Thanh T vay 10.000.000 đồng của ông Nguyễn Thanh; đến ngày 16/5/2017 bà tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có thỏa thuận về việc trả tiền lãi. Khi được hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường N, bà T hẹn đến tháng 6/2018 sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Như vậy, giao dịch về hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả 60.000.000 đồng tiền gốc, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là tự nguyện và chủ động, nhưng đến thời hạn thỏa thuận trả nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là xâm phạm đến quyền lợi và gây thiệt hại cho nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ, cụ thể là phải trả 60.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở để chấp nhận.

Xét mức lãi suất 0,8%/tháng của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả trên số tiền gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 66.320.000 đồng x 5% = 3.316.000 đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông Nguyễn T số tiền là 66.320.000 đồng (sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng); (trong đó: 60.000.000 đồng tiền gốc và 6.320.000 đồng tiền lãi).

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.316.000 đồng (ba triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân TX N;
- Chi cục thi hành án TX N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Vũ Linh